

# Giải pháp nâng cao chất lượng nhân lực trong sản xuất kinh doanh giấy tại làng nghề Phong Khê, Thành phố Bắc Ninh

Nguyễn Phương Lê\*

*Xã Phong Khê thuộc thành phố Bắc Ninh có nghề sản xuất giấy từ lâu đời. Trước Đổi Mới, người dân ở đây sản xuất giấy dó, giấy vàng quỳ, giấy hồi, giấy bản, giấy nén, giấy cuốn ngòi pháo và giấy vàng mã các loại. Từ khi đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, người dân Phong Khê đã chuyển sang sản xuất các sản phẩm giấy hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường. Thu nhập của người lao động tham gia vào sản xuất kinh doanh giấy tăng lên đáng kể. Mặc dù vậy, trình độ chuyên môn kỹ thuật cũng như quản lý kinh tế của lao động chưa đáp ứng được đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng cũng như mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt sản phẩm giấy trên thị trường. Vì vậy, các giải pháp như truyền nghề, đào tạo nghề, cải thiện điều kiện làm việc và chế độ đãi ngộ cần được thực hiện để nâng cao chất lượng nhân lực phục vụ cho phát triển làng nghề.*

**Từ khóa:** Làng nghề; Nhân lực; Chất lượng; Giải pháp.

## 1. Giới thiệu

Từ khi thực hiện chính sách đổi mới nền kinh tế, các làng nghề truyền thống trên địa bàn cả nước được khôi phục và phát triển, ngày càng đóng vai trò quan trọng trong chiến lược sinh kế của người dân nông thôn. Theo thống kê của Hiệp hội Làng nghề Việt Nam, cả nước hiện có trên 2.790 làng nghề, thu hút khoảng trên 20 triệu lao động, chiếm khoảng 24% lực lượng lao động nông thôn (Phạm Liên, 2011). Mặc dù các làng nghề đã tạo việc làm và góp phần nâng cao thu nhập cho một bộ phận lớn lao động nông thôn, nhưng nhìn chung chất lượng lao động tại các làng nghề còn hạn chế. Nhiều làng nghề hiện nay còn thiếu vắng đội ngũ thợ lành nghề, hầu hết chủ các cơ sở sản xuất chưa được đào tạo cả về kỹ thuật lẫn kiến thức kinh doanh và kinh tế thị trường.

Thành phố Bắc Ninh là nơi có khá nhiều làng nghề truyền thống với các sản phẩm như giấy Phong Khê, gỗ Khúc Xuyên, bún Khắc Niệm đang dần khẳng định vị trí vững chắc trên thị trường. Sự phát triển của các làng nghề truyền thống của thành phố đã thu hút hàng vạn lao động tại địa phương, góp phần nâng cao mức sống cho người dân. Tuy nhiên, so với yêu cầu về sản xuất kinh doanh của các làng nghề trong bối cảnh hội nhập kinh tế, chất lượng

nhân lực của các làng nghề truyền thống của thành phố Bắc Ninh vẫn còn những mặt hạn chế như tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm tỉ lệ nhỏ (chưa đến 25%), do đó ảnh hưởng đến việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật công nghệ vào sản xuất cũng như khả năng tiếp cận và mở rộng thị trường (Trần Ngọc Đạo, 2012). Trong những năm gần đây, thành phố đã có nhiều giải pháp nhằm từng bước nâng cao chất lượng nhân lực phục vụ sự phát triển của các làng nghề truyền thống, đặc biệt là đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2011– 2015, định hướng đến năm 2020”. Mặc dù vậy, quá trình thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng nhân lực trong làng nghề truyền thống của tỉnh nói chung và của thành phố nói riêng vẫn còn nhiều bất cập, cụ thể như (1) hoạt động đào tạo nghề mới chỉ tập trung vào những ngành nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp hiện đại như may mặc, cơ khí,... (2) công tác đào tạo nghề thường được thực hiện theo kiểu “top-down” và tổ chức ở các trung tâm dạy nghề hoặc trung tâm giáo dục thường xuyên, nơi mà người lao động trực tiếp trong các làng nghề rất khó tiếp cận; (3) nội dung đào tạo nghề tập trung vào khía cạnh kỹ thuật nhiều hơn là nâng cao năng lực tiếp cận thị trường của người sản xuất; và (4) các giải pháp còn chú trọng đến hoạt động đào tạo nghề

hơn là truyền nghề. Do đó, nghiên cứu đề xuất ra các giải pháp phù hợp cho cải thiện chất lượng nhân lực của các làng nghề là việc làm cần thiết.

Dựa trên nguồn thông tin thu thập từ làng nghề giấy Phong Khê bằng các phương pháp khác nhau, bài viết này nhằm mục tiêu: (i) phân tích thực trạng chất lượng nhân lực trong sản xuất kinh doanh giấy ở làng nghề Phong Khê, bao gồm cả lao động quản lý và lao động trực tiếp sản xuất; (ii) phân tích, đánh giá kết quả thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng nhân lực trong sản xuất kinh doanh giấy của làng nghề; và (iii) đề xuất một số giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng nhân lực trong sản xuất kinh doanh giấy tại làng nghề Phong Khê.

## **2. Phương pháp nghiên cứu**

### **2.1. Chọn điểm nghiên cứu**

Xã Phong Khê (huyện Yên Phong trước đây) thuộc thành phố Bắc Ninh có nghề sản xuất giấy truyền thống. Trước đổi mới, người dân ở đây sản xuất giấy dó, giấy vàng quỳ, giấy hời, giấy bản, giấy nển, giấy cuộn ngòi pháo và giấy vàng mã các loại. Từ khi thực hiện đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, đặc biệt là từ năm 1994 khi Nhà nước ban hành chính sách cấm sản xuất và tiêu thụ pháo nổ, người dân Phong Khê đã chuyển sang sản xuất các sản phẩm giấy hiện đại như giấy viết học sinh, giấy phô tô, giấy kraft làm bao bì, giấy ăn, giấy vệ sinh, giấy vàng mã và giấy gói các loại. Dây chuyền sản xuất được chuyển từ hoàn toàn thủ công sang chủ yếu dựa vào máy móc. Thu nhập của người lao động tham gia vào sản xuất kinh doanh giấy tăng lên đáng kể. Mặc dù vậy, trình độ chuyên môn kỹ thuật cũng như quản lý kinh tế của lao động chưa đáp ứng được đòi hỏi về chất lượng sản phẩm giấy trên thị trường. Vì lý do đó, Phong Khê được chọn làm điểm nghiên cứu.

### **2.2. Thu thập và phân tích thông tin**

Thông tin thứ cấp như lịch sử phát triển làng nghề giấy truyền thống Phong Khê, các đặc điểm tự nhiên- kinh tế- xã hội của xã và những vấn đề có liên quan khác được thu thập từ các tài liệu đã công bố như sách báo, internet, và báo cáo tổng kết của thành phố Bắc Ninh. Thông tin sơ cấp được thu thập từ các đối tượng khác nhau gồm: cán bộ đại diện cho Trung tâm dạy nghề, cán bộ lãnh đạo địa phương, 30 chủ cơ sở sản xuất và 60 người lao động trực tiếp. Phương pháp thu thập chủ yếu là điều tra dựa trên bản câu hỏi bán cấu trúc, phỏng vấn sâu bằng các checklist, quan sát và ghi chép. Thông tin

sau khi thu thập được xử lý trên phần mềm Excel và phân tích bằng phương pháp thống kê mô tả và phương pháp so sánh.

### **2.3. Chỉ tiêu đánh giá chất lượng nhân lực trong sản xuất kinh doanh**

Hệ thống chỉ tiêu sử dụng trong đánh giá chất lượng nhân lực trong nghiên cứu này gồm: tuổi, trình độ học vấn, trình độ chuyên môn/tay nghề, kinh nghiệm, khả năng tiếp cận thị trường, khả năng hoàn thành quy trình sản xuất của lao động.

## **3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận**

### **3.1. Thông tin chung về cơ sở sản xuất**

Kết quả nghiên cứu cho thấy có sự thay đổi rất lớn về loại hình tổ chức sản xuất ở làng nghề giấy Phong Khê. Hiện nay, số cơ sở sản xuất theo hình thức hộ gia đình không còn nhiều (chiếm 16,67%), phần lớn các cơ sở sản xuất đã chuyển đổi sang hình thức các xí nghiệp (33,33%), Hợp tác xã cổ phần (16,67%) và doanh nghiệp tư nhân (16,67%). Về quy trình sản xuất, phần lớn các cơ sở sản xuất, đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân và hợp tác xã cổ phần đã áp dụng dây chuyền máy móc hiện đại (83,33%), chỉ còn 16,67% số cơ sở, chủ yếu là các hộ sản xuất quy mô nhỏ còn áp dụng kỹ thuật thủ công, truyền thống để sản xuất các loại giấy truyền thống theo yêu cầu của khách hàng.

Về lực lượng lao động, ngoài lao động gia đình và một số ít lao động thuê thời vụ thì chủ yếu là lao động thuê thường xuyên (chiếm tới 90,74%). Trong khi ở nhiều làng nghề như bún Khắc Niệm, tơ tằm Vọng Nguyệt,... lực lượng lao động tham gia chủ yếu là nữ thì ở làng nghề giấy Phong Khê, lao động nam chiếm tới gần 70%. Nguyên nhân là do tính chất nặng nhọc cũng như độc hại của nghề này đã không thu hút lao động nữ.

### **3.2 Chất lượng nhân lực trong sản xuất kinh doanh giấy tại làng nghề Phong Khê**

#### **3.2.1. Chất lượng lao động là chủ cơ sở trong làng nghề**

##### **a) Trình độ học vấn và trình độ chuyên môn của chủ cơ sở**

Tỷ lệ chủ cơ sở có trình độ học vấn ở bậc trung học cơ sở khá cao (chiếm 66,67%), số chủ cơ sở có trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp và sau đại học chiếm khoảng 25%, còn lại 8,33% là chủ cơ sở có trình độ học vấn ở bậc tiểu học. Trình độ học vấn có ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng áp dụng tiếp cận kỹ thuật hiện đại, kỹ năng quản lý và tiếp cận thị trường của chủ cơ sở sản xuất.

*b) Kinh nghiệm trong sản xuất kinh doanh của chủ cơ sở*

Kinh nghiệm được xem là một trong những yếu tố quan trọng tạo nên chất lượng của lao động quản lý. Kết quả điều tra cho thấy, phần lớn các chủ cơ sở sản xuất giấy ở Phong Khê được truyền nghề từ gia đình hoặc là tự tích lũy kinh nghiệm của bản thân qua quá trình sản xuất. Ở làng nghề giấy Phong Khê, hầu hết các chủ cơ sở sản xuất có kinh nghiệm quản lý sản xuất của gia đình trên 10 năm. Cụ thể là có tới 66,66% chủ cơ sở có kinh nghiệm từ 15 đến 20 năm, và 33,33% chủ cơ sở có kinh nghiệm từ 10 đến 15 năm.

*c) Trình độ tay nghề của chủ cơ sở*

Do sự tồn tại của hình thức sản xuất giấy theo mô hình hộ gia đình, dựa trên kỹ thuật thủ công và tay nghề của người làm giấy nên ở Phong Khê vẫn còn 10% trong số các chủ cơ sở được điều tra có thể làm được phần lớn các khâu của quá trình sản xuất với chất lượng tinh xảo, 10% số chủ cơ sở có thể sản xuất giấy với phần lớn các khâu đạt chất lượng cao. Có tới 80% các chủ cơ sở còn lại chỉ tham gia vào

quản lý doanh nghiệp, nhà xưởng và hợp tác xã; những người này có trình độ tay nghề không cao và họ rất ít tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất.

*d) Khả năng tiếp cận thị trường và tiêu thụ sản phẩm của chủ cơ sở sản xuất*

Bảng số liệu điều tra cho thấy, các xí nghiệp, doanh nghiệp, và HTX trung bình một tháng sản xuất 304,5 tấn/tháng/cơ sở. Các loại sản phẩm như giấy kraft, giấy bản, giấy vệ sinh và giấy vàng mã với chất lượng khác nhau tùy thuộc vào nhu cầu thị trường và có giá khác nhau. Tỷ lệ giấy được bán lẻ tại nhà rất thấp, chỉ có 5,43%. Các công ty TNHH, doanh nghiệp tư nhân thu mua giấy của các hộ sản xuất nhỏ lẻ sau đó bán buôn đi khắp cả nước. Tỷ lệ sản phẩm được các cơ sở sản xuất cũng bán buôn ngay tại nhà hoặc doanh nghiệp chiếm tới 42,4% sản lượng của các doanh nghiệp. Sản lượng được các cơ sở mang đi tiêu thụ ở nơi khác dưới hình thức bán buôn chiếm tỷ lệ 45,61%.

Tương tự như nhiều làng nghề khác trong tỉnh, các cơ sở sản xuất ở Phong Khê chủ yếu sản xuất giấy theo đơn đặt hàng, có hợp đồng rõ ràng (chiếm

**Bảng 1: Thời gian quản lý cơ sở sản xuất giấy của chủ cơ sở**

Kinh nghiệm quản lý sản xuất (năm)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>Tổng số mẫu điều tra</b>	<b>30</b>	<b>100</b>
<= 5 năm	0	0
Từ 5 đến 10 năm	0	0
Từ 10 đến <=15 năm	10	33,33
Từ 15 đến <=20 năm	20	66,67

*Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2013*

**Bảng 2: Trình độ tay nghề của chủ cơ sở sản xuất**

Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>Số cơ sở sản xuất điều tra</b>	<b>30</b>	<b>100</b>
<b>1. Có chứng chỉ nghiệp vụ</b>	10	33,33
<b>2. Trình độ tay nghề</b>		
- Làm được phần lớn các khâu với chất lượng tinh xảo	3	10,00
- Làm được phần lớn các khâu với chất lượng cao	3	10,00
- Làm được phần lớn các khâu với chất lượng khá	0	0,00
- Chỉ tham gia quản lý doanh nghiệp/hợp tác xã	24	80,00

*Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2013*

**Bảng 3: Hình thức tiêu thụ sản phẩm của làng nghề**

Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng
<b>Số CSSX được điều tra</b>	<b>Cơ sở</b>	<b>30</b>
<b>1. Sản lượng SX BQ hàng tháng</b>	Tấn/tháng	761,25
<b>2. Hình thức bán</b>		
- Bán lẻ tại nhà	%	5,43
- Bán lẻ ở cửa hàng ở nơi khác	%	6,66
- Bán buôn tại nhà	%	42,40
- Bán buôn tại nơi khác	%	45,61
<b>3. Môi quan hệ tiêu thụ</b>		
- Cứ sản xuất khi nào gặp khách thì bán	%	22,50
- Bán thông qua đơn đặt hàng	%	77,50

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2013

khoảng 77,5%), còn lại 22,5% là các cơ sở sản xuất theo hình thức cứ sản xuất trước khi nào gặp khách hàng thì bán.

Khách hàng của các cơ sở sản xuất giấy ở Phong Khê là những doanh nghiệp và HTX quen tại địa phương thu mua giấy vì mục đích kinh doanh chiếm 13,33%, trong khi đó khách hàng từ nơi khác như doanh nghiệp ở các khu công nghiệp tập trung, cửa hàng... tại các tỉnh thành trên cả nước chiếm tới 62,5%. Tỷ lệ khách hàng quen nơi khác giới thiệu chiếm tới 13,33%. Một lượng nhỏ khách hàng là khách vãng lai nước ngoài hướng tới các sản phẩm giấy thủ công chiếm 2,5%. Một số cơ sở đã xuất khẩu được sản phẩm, sản lượng xuất khẩu chiếm tới 8,34%.

Tóm lại, khả năng tiếp cận thị trường của các chủ cơ sở tại làng nghề giấy Phong Khê đã mở rộng, không chỉ còn tiêu thụ ở phạm vi địa phương mà còn hướng tới các thị trường lớn ở nơi khác và nước ngoài. Tuy nhiên, trong quá trình tiêu thụ các chủ cơ sở còn phải đối mặt với nhiều những thách thức lớn về chất lượng sản phẩm, giá cả của các sản phẩm được sản xuất tại làng nghề, cạnh tranh giữa ngay chính các cơ sở sản xuất trong làng nghề cũng như

các doanh nghiệp tại nơi khác, và các kỹ năng tiếp cận thị trường của chủ doanh nghiệp.

### 3.2.2. Thực trạng chất lượng lao động trực tiếp trong làng nghề

#### a) Trình độ học vấn và trình độ chuyên môn của lao động trực tiếp trong làng nghề

Phần lớn người lao động tại làng giấy Phong Khê có trình độ học vấn bậc trung học cơ sở và trung học phổ thông (chiếm tỷ lệ 44,45% và 22,22%). Làng nghề cũng đã thu hút được tỷ lệ không nhỏ lao động có trình độ học vấn từ trung cấp, cao đẳng, để đại học (33,33%).

Nếu như ở nhiều làng nghề khác rất ít lao động có chứng chỉ về nghề nghiệp thì tại Phong Khê, có tới 50% người lao động có chứng chỉ nghề nghiệp. Trong số đó, có tới 66,67% người có bằng đại học, cao đẳng và trung cấp, số còn lại có những chứng chỉ nghiệp vụ của các khóa đào tạo ngắn hạn. Thực trạng này phản ánh một tất yếu trong quá trình phát triển sản xuất kinh doanh do làng nghề giấy truyền thống nhưng hiện nay đã chuyển sang sản xuất theo hướng dây chuyền máy móc hiện đại nên rất cần lực lượng lao động có chất lượng cao.

#### b) Kinh nghiệm làm việc của lao động trực tiếp

**Bảng 4: Kênh tiêu thụ sản phẩm của làng nghề**

Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)
1. Người quen địa phương	13,33
2. Khách hàng quen nơi khác (khu công nghiệp, cửa hàng...)	62,50
3. Khách hàng nơi khác giới thiệu	13,33
4. Khách vãng lai nước ngoài	2,50
5. Xuất khẩu	8,34

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2013

**Bảng 5: Trình độ học vấn và chuyên môn của lao động**

Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng
<b>Tổng số người lao động được điều tra</b>	Người	60
- Trung học cơ sở	%	44,45
- Trung học phổ thông	%	22,22
- Đại học, Cao đẳng, trung cấp	%	33,33

*Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2013*

trong làng nghề

Một trong những yếu tố quan trọng tạo nên chất lượng tay nghề cho người lao động đó chính là kinh nghiệm làm việc. Kết quả điều tra cho thấy, có 50% các lao động tại làng nghề giấy Phong Khê có kinh nghiệm làm việc dưới 5 năm. Số lượng lao động có thời gian tham gia hoạt động tại làng nghề có thời gian từ 5 đến 10 năm chiếm khoảng hơn 30%. Còn lại, một lượng khá nhỏ (dưới 20%) lao động được điều tra có kinh nghiệm tham gia hoạt động sản xuất tại làng nghề trong khoảng thời gian từ 10 đến 20 năm.

*c) Tay nghề của lao động trực tiếp trong làng nghề*

Tại Phong Khê, tỷ lệ người lao động làm được phần lớn các khâu với chất lượng cao và chất lượng

khá có tỷ lệ bằng nhau (chiếm 28,33%). Số người lao động làm được một khâu với chất lượng khá là 26,67% và người lao động đảm nhiệm những công việc phổ thông (tức họ chỉ làm những công việc đơn giản) chiếm tới 16,66%. Điều đó cho thấy, phần lớn người lao động tại làng nghề có tay nghề ở mức trung bình. Ở Phong Khê có nhiều người lao động chỉ làm được một khâu với chất lượng khá, nguyên nhân là do quá trình sản xuất của làng nghề đã chuyển mạnh sang hướng chuyên môn hóa.

Theo đánh giá của các chủ cơ sở thì trình độ tay nghề của người lao động ở mức đáp ứng được đòi hỏi của sản xuất là phổ biến (45,48%), tỷ lệ người lao động đáp ứng tốt đòi hỏi của sản xuất chiếm tỷ lệ thấp, và còn một phần không nhỏ lao động trong các cơ sở được điều tra chưa đáp ứng được yêu cầu

**Bảng 6: Trình độ chuyên môn của người lao động tại làng nghề**

Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>Số người lao động được điều tra</b>	<b>60</b>	<b>100</b>
<b>LĐ có chứng chỉ nghề</b>	<b>30</b>	<b>50,00</b>
a. Bằng ĐH, CĐ, TC	20	66,67
b. Chứng chỉ nghiệp vụ	10	33,33

*Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2013*

**Bảng 7: Thời gian tham gia hoạt động sản xuất của người lao động tại làng nghề**

Số năm	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>Tổng NLD được điều tra</b>	<b>60</b>	<b>100</b>
<= 5 năm	30	50,00
Từ 5 đến 10 năm	10	33,33
Từ 10 đến <=20 năm	10	16,67

*Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2013*



**Bảng 8: Trình độ tay nghề của người lao động tại làng nghề**

Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
- Làm được phần lớn các khâu với chất lượng cao	17	28,33
- Làm được phần lớn các khâu với chất lượng khá	17	28,33
- Làm được một khâu với chất lượng khá	16	26,67
- Chỉ làm những công việc đơn giản	10	16,67

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2013

của sản xuất, cần phải đào tạo thêm. Với tình trạng đó, nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động trong các cơ sở sản xuất giấy trở thành yêu cầu cấp thiết.

Như vậy, có thể thấy rằng chất lượng nhân lực tại làng nghề truyền thống bao gồm cả người lao động và chủ các cơ sở sản xuất trên đại bàn thành phố Bắc Ninh chưa cao, phổ biến vẫn là những nhân lực có chất lượng thấp, kinh nghiệm làm việc ngắn. Tuy lực lượng lao động tại làng nghề Phong Khê có bằng cấp, trình độ tay nghề và trình độ học vấn khá cao, song tỷ lệ lao động chưa đáp ứng được quá trình sản xuất, phải đào tạo thêm và những lao động phổ thông vẫn ở mức cao. Hơn nữa, trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh giấy phải đối mặt với vấn đề cạnh tranh trong tiêu thụ sản phẩm, đòi hỏi phải có những biện pháp nhằm nâng cao khả năng tiếp cận thị trường và năng lực quản lý của các chủ cơ sở tại các làng nghề.

### 3.3. Kết quả thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng nhân lực ở làng nghề giấy Phong Khê

Những năm qua, tỉnh đã có những chủ trương, chính sách nhằm từng bước nâng cao chất lượng nhân lực cho phát triển làng nghề trong đó chú trọng công tác truyền nghề, đào tạo nghề, cải thiện điều kiện làm việc và chế độ đãi ngộ đối với người lao

động. Kết quả thực hiện các giải pháp này được khảo sát, phân tích trong bối cảnh của làng nghề giấy Phong Khê sẽ làm cơ sở cho việc đề xuất hoàn thiện các chính sách nâng cao chất lượng nhân lực làng nghề của tỉnh.

#### 3.3.1. Truyền nghề

Phần lớn chủ cơ sở sản xuất trong làng nghề giấy Phong Khê học nghề bằng cách truyền lại từ gia đình (chiếm 83,33 %). Người lao động trực tiếp chủ yếu học nghề từ những người cùng làm (chiếm 53,33%), học tại các cơ sở sản xuất (chiếm 13,33%) và được truyền nghề từ các thành viên trong gia đình (chiếm 6,67%). Việc truyền nghề cho lao động trong cơ sở sản xuất là khá phổ biến, song quá trình truyền nghề vẫn chỉ giới hạn trong phạm vi gia đình và cơ sở sản xuất.

#### 3.3.2. Đào tạo nghề

Đào tạo nghề là hoạt động quan trọng nhất nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở nông thôn nói chung và trong các làng nghề nói riêng. Tính đến hết năm 2012, toàn tỉnh tổ chức đào tạo nghề cho gần 25.500 lao động nông thôn; trong đó, đào tạo nghề phi nông nghiệp 11.006 người (43,2%), làng nghề 3.520 người (13,8%), nghề nông nghiệp 10.972 người (43%) (Thái Hùng, 2013). Số lao

**Bảng 9: Nguồn gốc học nghề của các đối tượng trong làng nghề**

Đối tượng	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	
Chủ cơ sở sản xuất	Được gia đình truyền lại	25	83,33
	Nguồn khác (ĐH, CĐ, TC)	5	16,67
Người lao động	Được gia đình truyền lại	4	6,67
	Học tại các cơ sở SX khác	8	13,33
	Học từ người cùng làm	32	53,33
	Khác (ĐH, CĐ, TC)	16	26,67

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2013

động được đào tạo cho các làng nghề của tỉnh Bắc Ninh cũng chiếm tỷ lệ thấp và chỉ tập trung vào một số nghề như mộc mỹ nghệ, gốm mỹ nghệ, mây tre đan, và thêu tranh nghệ thuật, không có lớp nào cho nghề làm giấy. Tại Phong Khê, số lượng các khóa đào tạo do địa phương phối hợp với Trung tâm Khuyến công tỉnh và doanh nghiệp cũng rất ít. Tỷ lệ chủ cơ sở được tham gia các khóa đào tạo hàng năm chỉ chiếm 16%, lao động trực tiếp được tham gia đào tạo chiếm 30%, trong đó chủ yếu là các lớp tập huấn do doanh nghiệp tự tổ chức. Ngoài ra, còn một số ít chủ cơ sở sản xuất và người lao động từ tìm đến các khóa học nhằm nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, khả năng tiếp cận thị trường và kỹ năng quản lý.

### 3.3.3. Cải thiện điều kiện làm việc

Ngoài hai giải pháp được coi là trực tiếp là truyền nghề và đào tạo nghề, cải thiện môi trường làm việc cho người lao động cũng là một trong các giải pháp quan trọng nhằm nâng cao chất lượng cho người lao động trong cơ sở. Các cơ sở sản xuất trong làng nghề cũng đã có sự đổi mới về công nghệ, tăng sử dụng máy móc thay thế lao động thủ công ở những công đoạn có thể. Có sự chênh lệch khá lớn về mức đầu tư của các cơ sở tùy theo quy mô và khả năng về vốn. Trong khi mức đầu tư thấp nhất là 20 triệu đồng/cơ sở/năm, thì mức đầu tư cao nhất là 200 triệu đồng/cơ sở/năm, trung bình các cơ sở chỉ 81,67 triệu đồng đồng/năm cho đầu tư trang thiết bị.

### 3.3.4. Chế độ đãi ngộ đối với người lao động

Kết quả nghiên cứu cho thấy 75% cơ sở sản xuất thuê và thỏa thuận với người lao động bằng miệng, trong khi đó có 25% các cơ sở sản xuất ở Phong Khê đã thuê lao động theo các hợp đồng. Hầu hết các cơ

sở sản xuất kinh doanh giấy ở Phong Khê có chính sách khuyến khích trả lương cao đối với những lao động có tay nghề cao hơn. Do có sự khác nhau về tay nghề nên có sự chênh lệch rất lớn giữa mức thu nhập thấp nhất và mức thu nhập cao nhất. Trong khi mức thu nhập thấp nhất của một lao động chỉ là 1 triệu/tháng, thì mức thu nhập cao nhất một lao động có thể đạt được là 10 triệu đồng/tháng. Những người có thu nhập thấp thường chỉ tham gia một số công đoạn đơn giản trong quá trình sản xuất và chủ yếu là lao động phổ thông.

Đặc biệt, đã có 25% cơ sở thực hiện đúng Luật lao động trong việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Bên cạnh đó, đa số các cơ sở tại đây có các hình thức ưu đãi ngoài lương với người lao động như hỗ trợ tiền ăn ca, tiền thưởng cho người lao động, cho tạm ứng lương khi người lao động có nhu cầu, tổ chức cho người lao động đi tham quan và cho lao động nơi khác đến làm thuê được ở miễn phí.

### 3.4. Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng nhân lực trong sản xuất kinh doanh giấy tại làng nghề Phong Khê

Để nâng cao chất lượng nhân lực trong sản xuất kinh doanh giấy nhằm phát triển làng nghề giấy Phong Khê trong bối cảnh hội nhập kinh tế, nghiên cứu đề xuất các giải pháp hướng vào hoàn thiện công tác truyền nghề, đổi mới nội dung và hình thức dạy nghề, đầu tư trang thiết bị và cải thiện môi trường làm việc, và thực hiện tốt chế độ đãi ngộ đối với người lao động.

#### 3.4.1. Hoàn thiện công tác truyền nghề

Cũng như nhiều làng nghề khác trong cả nước, ở

**Bảng 10: Các hình thức hỗ trợ người lao động của cơ sở sản xuất**

Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)
<b>I. Lương cao với NLĐ có tay nghề cao</b>	<b>91,67</b>
<b>II. LD chung trong cơ sở sản xuất</b>	
- BHXH, BHYT, BHTN	25,00
- Tiền ăn ca	83,33
- Tiền thưởng	33,33
- Du lịch	16,67
- Được ứng trước lương khi cần	91,67
- Được ở miễn phí	8,33
- Được trả 1 phần viện phí khi gặp tai nạn lao động	75,00

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2013

làng nghề giấy Phong Khê việc đào tạo nghề chủ yếu theo phương thức cha truyền cho con, con truyền cho cháu. Nếu tổ chức lớp học cũng chỉ theo cách kèm cặp, nghĩa là một thầy, một trò hoặc một thầy, hai, ba trò. Hiện nay, việc truyền nghề đã được mở rộng theo hình thức chủ cơ sở truyền cho lao động làm thuê hoặc lao động có tay nghề cao truyền cho lao động có tay nghề thấp hơn trong cơ sở sản xuất dựa trên cơ sở kinh nghiệm của mình. Vì vậy, hiệu quả truyền nghề chưa cao.

Việc truyền nghề theo kiểu đơn lẻ trong các hộ gia đình và từng cơ sở sản xuất nên chưa đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực để phát triển hàng hoá quy mô lớn. Hơn nữa, mỗi gia đình hay cơ sở sản xuất truyền nghề theo một kiểu nên không có sự thống nhất, điều này gây ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng sản phẩm làm ra.

Để nâng cao hiệu quả công tác truyền nghề, cần thay đổi phương thức truyền nghề, trong đó chú trọng việc xây dựng chương trình, giáo trình giảng dạy một cách bài bản, khoa học, ứng dụng công nghệ hiện đại vào đào tạo, tăng cường thiết bị nâng cao chất lượng cơ sở dạy nghề. Bên cạnh đó, việc hỗ trợ xúc tiến thương mại giúp cho sản phẩm giấy của làng nghề tiêu thụ được một cách bền vững thì người lao động mới yên tâm học nghề, các nghệ nhân, lao động lành nghề mới yên tâm truyền nghề.

#### *3.4.2. Đổi mới nội dung và hình thức đào tạo nghề*

Với nội dung đào tạo nghề cho người lao động tại làng nghề: Tích cực mở rộng các nội dung đào tạo, phát huy lợi thế về phát triển của các làng nghề mạnh dạn chuyển mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn từ đào tạo theo năng lực sẵn có của cơ sở đào tạo sang đào tạo theo nhu cầu của lao động học nghề và yêu cầu của thị trường lao động; gắn đào tạo nghề với chiến lược phát triển của thành phố, kế hoạch của các cơ sở trong làng nghề; Tăng cường các chương trình và hình thức dạy nghề ngay tại làng nghề theo yêu cầu của chủ cơ sở thông qua hệ thống khuyến nông, khuyến công; Đa dạng hoá phương thức và phương pháp đào tạo, chú trọng phương pháp dạy tại hiện trường; phương pháp có sự tham gia của người học; Thu hút các nghệ nhân, những người có kinh nghiệm trong các làng nghề, những người có tay nghề cao trong các doanh nghiệp tham gia dạy nghề cho lao động phổ thông và lao động có trình độ thấp; Dạy nghề phải gắn liền với công tác tập huấn và các kiến thức về an toàn lao động phù hợp với đặc trưng từng nghề, hoàn thiện

các kiến thức về công tác tiếp thị và tiêu thụ sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm.

#### *3.4.3. Đầu tư trang thiết bị và cải thiện môi trường làm việc*

Các khía cạnh của điều kiện làm việc như nhà xưởng, máy móc, trang thiết bị bảo hộ lao động, đặc biệt đối với làng nghề giấy là vấn đề xử lý chất thải và ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động cần được các cơ sở quan tâm đầu tư. Đối với các doanh nghiệp và hợp tác xã có sử dụng lao động thuê thường xuyên từ 10 người trở lên cần thực hiện đầy đủ và đúng các điều kiện của Luật lao động như bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và hợp đồng lao động. Để bảo đảm được điều đó, công tác thanh tra lao động cần được thực hiện sát sao hơn.

#### *3.4.4. Thực hiện chế độ đãi ngộ đối với người lao động*

Một trong những yếu tố quan trọng nhằm kích thích và khai thác năng lực tiềm tàng của người lao động là các cơ sở sản xuất phải có những chính sách hợp lý về tiền lương và phúc lợi. Các cơ sở sản xuất cần phải xây dựng một chính sách tiền lương hợp lý căn cứ trên hiệu quả công việc vì khi người lao động nhận thấy rằng mình được trả lương không công bằng, họ sẽ bị ức chế và không có động lực làm việc.

Mức tiền công của cơ sở sản xuất đưa ra là một trong những yếu tố cơ bản đến người lao động xem xét lựa chọn làm cho cơ sở này hay cơ sở khác. Các cơ sở trong làng nghề trả lương cao có khả năng thu hút được lao động giỏi. Bên cạnh đó, để giữ chân được những người thợ lành nghề, các cơ sở sản xuất nên thực hiện tính công bằng trong nội bộ cơ sở. Tính công bằng trong trả lương thể hiện không chỉ ở chỗ công bằng giữa những người thợ cùng làm một công việc, có kết quả tương đương, không phân biệt giới tính, dân tộc, nguồn gốc gia đình,... mà còn ở sự công bằng giữa những công việc có tầm quan trọng, yêu cầu mức độ phức tạp, kỹ năng thực hiện tương đương.

Kết quả điều tra người lao động cho thấy chế độ đãi ngộ về tinh thần cũng quan trọng không kém gì các yếu tố vật chất. Đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh giấy ở làng nghề Phong Khê, nguồn nhân lực chủ yếu là những người lao động đến từ các vùng nông thôn có mức thu nhập trung bình và thấp nên việc tạo điều kiện cho lao động đi tham quan, nghỉ mát hay cho phép tạm ứng lương sẽ khuyến khích người lao động hăng say làm việc.



Ngoài ra, việc xây dựng những chính sách thăm hỏi và hỗ trợ về tinh thần cũng như vật chất cho người lao động và gia đình của họ khi gặp khó khăn cũng sẽ tạo được sự gắn bó và lòng trung thành của người lao động đối với cơ sở sản xuất.

#### 4. Kết luận

Làng nghề giấy Phong Khê là một trong những làng nghề truyền thống điển hình đã phát triển theo hướng hiện đại. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển làng nghề vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, đặc biệt là lao động có trình độ tay nghề thấp và tỷ lệ lao động qua đào tạo làm việc tại làng nghề chiếm tỷ lệ không đáng kể. Phần lớn lao động (kể cả lao động là chủ cơ sở sản xuất và lao động trực tiếp) của làng nghề được đào tạo theo hình thức truyền nghề từ gia đình hoặc từ những người cùng làm. Các lớp đào tạo nghề tại địa phương hướng tới nâng cao chất lượng nhân lực của các làng nghề nói chung và làng nghề

giấy Phong Khê nói riêng còn ít, thiếu sự liên kết giữa các ban ngành và cơ sở sản xuất, chính vì thế mà hiệu quả các lớp đào tạo do cơ sở sản xuất tự tổ chức mang lại hiệu quả hơn các trung tâm dạy nghề. Các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng nhân lực như trang thiết bị máy móc và chế độ đãi ngộ cũng đã được các cơ sở đầu tư hoàn thiện. Nhiều cơ sở thực hiện đầy đủ và đúng những quy định của Luật lao động đối với cả lao động thời vụ và lao động thường xuyên. Để nâng cao chất lượng nhân lực trong sản xuất kinh doanh giấy ở làng nghề Phong Khê nhằm đáp ứng cho sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa nông thôn, các giải pháp cần phải hoàn thiện tiếp theo là: (i) Hoàn thiện công tác truyền nghề cho người lao động; (ii) Đổi mới hình thức và nội dung của công tác đào tạo nghề đối với lao động làng nghề; (iii) Cải thiện điều kiện làm việc; và (iv) Thực hiện chế độ đãi ngộ cả vật chất và tinh thần cho người lao động. □

#### Tài liệu tham khảo:

- Trần Ngọc Đạo, 2012. *Hỗ trợ nâng chất lượng nhân lực ở các làng nghề truyền thống*. <http://baobacninh.com.vn>. Ngày 11/05/2012.
- Thái Hùng, 2013. *Bắc Ninh: Đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm lao động nông thôn*. <http://dangcongsan.vn/cpv/Modules/News>. Ngày 16/09/2013.
- Phạm Liên, 2011. *Phát triển nguồn nhân lực làng nghề: mạnh cả về số lượng và chất lượng*. <http://www.daibieunhandan.vn>. Ngày 28/12/2011.

#### **Solutions for the improvement of human resource quality in paper production in Phong Khe Craft Village, Bac Ninh Province**

##### *Abstract:*

*Paper production has a long history in Phong Khe commune, Bac Ninh province. Before Doi Moi, villagers produced several types of traditional paper, particularly the “giay do”. Since the early 1990s, almost all villagers turned into producing modern papers such as written paper, packaging paper, tissue, and so on. Labors’ income has significantly increased. Even though, producers in the village are still facing various difficulties in production as well as business due to low quality human resource. Both managers and labors lack skills and market accessibility which affect paper quality and its competitiveness in the market. Therefore, the solutions including know-how transmission, training, working condition improvement, and social welfare for labors need to be implemented in order to upgrade human resource quality in paper village development.*

---

#### **Thông tin tác giả:**

**\*Nguyễn Phương Lê, tiến sĩ**

- Nơi công tác: Trường đại học Nông nghiệp Hà Nội

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: chính sách công, chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Một số tạp chí đã đăng tải công trình nghiên cứu: *Tạp chí Kinh tế và Phát triển, tạp chí Khoa học và Phát triển (Đại học Nông nghiệp Hà Nội), LAsian Consortium, Chiang Mai International Journal of Social Sciences and Humanities (Đại học Chiang Mai, Thái Lan).*

Email: lehanoi2005@yahoo.com